Hội sở chính
Số 89 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
ĐT: (84.4) 39288869 Fax: (84.4) 39288867
Swift: VPBKVNVX Website: www.vpbank.com.vn

BIỂU LÃI SUẤT CHO VAY THAM CHIẾU VND VÀ BIÊN ĐỘ LÃI SUẤT LINH HOẠT ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CHO VAY KHÔNG TÀI SẢN BẢO ĐẢM (TSBĐ) KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

Áp dụng kể từ ngày 13/11/2026

1. **Biểu lãi suất tham chiếu đối với cho vay không TSBĐ dành cho Khách hàng cá nhân tại VPBank giải ngân trước ngày 16/10/2023, cụ thể như sau:**

Thời gian vay vốn	Lãi suất tham chiếu (%/năm)
Kỳ hạn vay ≤ 2 tháng	10.2%
Kỳ hạn vay 3 tháng	10.5%
Kỳ hạn vay 4 tháng	10.7%
Kỳ hạn vay 5 tháng	10.8%
Kỳ hạn vay 6 tháng	11.2%
Kỳ hạn vay 7 tháng	11.2%
Kỳ hạn vay 8 tháng	11.2%
Kỳ hạn vay 9 tháng	11.3%
Kỳ hạn vay 10 tháng	11.4%
Kỳ hạn vay 11 tháng	11.5%
Kỳ hạn vay 12 tháng	11.5%
Kỳ hạn vay trên 12 tháng - 24 tháng	12.0%
Kỳ hạn vay trên 24 tháng - 60 tháng	12.1%

2. **Biểu lãi suất tham chiếu đối với cho vay không TSBĐ dành cho Khách hàng cá nhân tại VPBank giải ngân từ ngày 16/10/2023, cụ thể như sau:**

Thời gian vay vốn	Lãi suất tham chiếu (%/năm)
Kỳ hạn vay ≤ 2 tháng	10.4%
Kỳ hạn vay 3 tháng	10.7%
Kỳ hạn vay 4 tháng	10.9%
Kỳ hạn vay 5 tháng	11.0%
Kỳ hạn vay 6 tháng	11.4%

Kỳ hạn vay 7 tháng	11.4%
Kỳ hạn vay 8 tháng	11.4%
Kỳ hạn vay 9 tháng	11.5%
Kỳ hạn vay 10 tháng	11.6%
Kỳ hạn vay 11 tháng	11.7%
Kỳ hạn vay 12 tháng	11.7%
Kỳ hạn vay trên 12 tháng - 24 tháng	12.2%
Kỳ hạn vay trên 24 tháng - 60 tháng	12.3%

3. Quy định việc áp dụng Lãi suất tham chiếu như sau: Áp dụng cho các khoản vay lãi suất điều chỉnh

3.1 Đối với Khoản vay có thời hạn cho vay đến 12 tháng: Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo định kỳ 01 tháng/ 01 lần.

3.2 Đối với Khoản vay có thời hạn cho vay trên 12 tháng: Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/ 01 lần. Việc điều chỉnh lãi suất được thực hiện định kỳ vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm.

4. Biên độ linh hoạt áp dụng đối với các khoản vay áp dụng cơ chế điều chỉnh lãi suất linh hoạt tương ứng với lịch sử thanh toán khoản vay

Nội dung	**Biên độ lãi suất điều chỉnh (%/năm)**
Biên độ cộng linh hoạt	0.5%
Biên độ trừ linh hoạt	0.5%
Biên độ trừ linh hoạt tối đa	3.0%
Biên độ cộng linh hoạt tối đa	3.0%